**ĐƠN BẢO LÃNH HỌC PHÍ（経費支弁書）**

Kính gửi giám đốc sở tư pháp（日本国法務大臣殿）

|  |  |
| --- | --- |
| Tên học viên（学生氏名） |  |
| Quốc tịch（国籍） |  |
| Ngày tháng năm sinh（生年月日） | Năm tháng ngày  | Giới tính（性別） | Nam（男）・Nữ（女） |

　Vì tôi là người bảo lãnh đóng học phí cho học viên có tên ở trên khi đến Nhật, tôi xin trình bày về tiến trình nhận bảo lãnh trả học phí cùng với phương thức trả học phí.

（私は、この度上記の者が日本国に入国した場合の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁の引受け経緯を説明するとともに、経費支弁について証明します。）

１．Tiến trình bảo lãnh trả học phí (hãy viết cụ thể về mối quan hệ với người nộp đơn nhập học và tiến trình bảo lãnh trả học phí cho người đó)　（経費支弁の引受け経緯。申請者の経費支弁を引受けた経緯及び、申請者との関係について具体的に記載してください。）

2.　Nội dung chi trả kinh phí（経費支弁内容）

　Tôi xin chứng nhận bảo lãnh trả tiền học phí cho học viên có tên ở trên khi sống ở Nhật.Và khi người có ghi tên ở trên xin tái gia hạn visa sẽ nộp những giấy tờ chẳng hạn như: chứng thực việc chi trả kinh phí trong sinh hoạt, giấy chứng nhận chuyển tiền, bản sao sổ tiết kiệm của bản thân (những giấy tờ có ghi chứng thực chi trả kinh phí và chuyển tiền)（私は、上記の者の日本国滞在について、下記のとおり経費支弁することを証明します。また、上記の者が在留期間更新許可申請の際には、送金証明書又は本人名義の預金通帳（送金事実、経費支弁事実が記載されたもの）の写し等で、生活費等の経費支弁事実を明らかにする書類を提出します。）

（１）Học phí（学費）　năm（年間） 　　　　　 円

（２）Phí sinh hoạt（生活費） hàng tháng（毎月） 　 円

（３）Phương thức chi trả: (hãy viết cụ thể phương thức chi trả chuyển khoản・gửi tiền)

（支弁方法　送金・振込等支弁方法を具体的に書いてください）

Năm tháng ngày

 （年月日）

Người chi trả kinh phí（経費支弁者）　Họ tên（氏名）： 　　　　　　　　 　　　Ấn（印）

Địa chỉ hiện tại（現住所）：

Điện thoại（電話）/ FAX：

Quan hệ với học viên（学生との関係）：

＊Người bảo lãnh học phí ghi vào giấy này (không nhận viết hộ)

（必ず経費支弁人が記入。代筆不可）